



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

53/GP-UBCK	ngày 10 tháng 2 năm 2014
47/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 7 năm 2018
72/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 8 năm 2022
07/GPĐC-UBCK	ngày 16 tháng 1 năm 2023

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Trần Đình Quân	Chủ tịch
Ông Takashi Fujii	Thành viên
Ông Seigo Fujimaru	Thành viên
Ông Trần Châu Danh	Thành viên
Ông Masato Negishi	Thành viên
	(từ ngày 25 tháng 7 năm 2022)
Ông Norimitsu Kawahara	Thành viên
	(đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)

Tổng Giám đốc

Ông Trần Châu Danh

Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Châu Danh

Trụ sở đăng ký

Tầng 11, 149-151, Nguyễn Văn Trỗi
Phường 11, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam **Báo cáo của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ sở hữu

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00165-23-1



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		215.875.058.599	161.625.783.610
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.375.499.234	3.271.014.440
Tiền	111		1.375.499.234	3.271.014.440
Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		171.500.000.000	136.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	171.500.000.000	136.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.448.626.530	22.044.518.900
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	18.094.588.524	16.649.498.435
Phải thu ngắn hạn khác	135	7(a)	6.354.038.006	5.395.020.465
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.550.932.835	310.250.270
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8(a)	1.550.932.835	310.250.270
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		5.813.025.950	5.729.071.458
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	443.000.000
Phải thu dài hạn khác	218	7(b)	5.000.000	443.000.000
Tài sản cố định	220		5.062.032.040	821.750.550
Tài sản cố định hữu hình	221	9	327.132.424	694.371.800
Nguyên giá	222		2.359.424.100	2.415.029.100
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.032.291.676)	(1.720.657.300)
Tài sản cố định vô hình	227	10	4.734.899.616	127.378.750
Nguyên giá	228		9.750.070.684	4.558.108.148
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.015.171.068)	(4.430.729.398)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.801.688.432
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	3.801.688.432
Tài sản dài hạn khác	260		745.993.910	662.632.476
Chi phí trả trước dài hạn	261	8(b)	390.542.631	354.129.957
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	355.451.279	308.502.519
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		221.688.084.549	167.354.855.068

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		8.350.706.208	9.465.985.444
Nợ ngắn hạn	310		7.336.706.208	8.595.985.444
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.298.556.958	3.486.027.417
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	13	5.816.840.396	4.827.082.595
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		221.308.854	282.875.432
Nợ dài hạn	330		1.014.000.000	870.000.000
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	14	1.014.000.000	870.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		213.337.378.341	157.888.869.624
Vốn chủ sở hữu	410		213.337.378.341	157.888.869.624
Vốn góp	411	15	27.500.000.000	25.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000.000	2.500.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		-	2.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		183.337.378.341	127.888.869.624
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		221.688.084.549	167.354.855.068

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	17	114.231.223.250	168.520.323.698
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		114.231.223.250	168.520.323.698
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	18	42.161.222.207.686	33.415.953.343.947
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		42.161.222.207.686	33.415.953.343.947
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	19	17.020.567.632	7.107.404.950
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	20	18.737.048.362	36.398.593.273

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán tổng hợp
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B02 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	21	93.876.487.709	78.900.178.430
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	9.196.147.136	6.764.511.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	33.539.804.169	31.287.553.414
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 – 25)	30		69.532.830.676	54.377.136.507
Doanh thu khác	31		5.000.000	-
Chi phí khác	32		-	194
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5.000.000	(194)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		69.537.830.676	54.377.136.313
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	14.136.270.719	11.332.600.309
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	24	(46.948.760)	(96.321.964)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		55.448.508.717	43.140.857.968

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

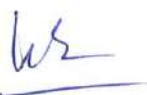
	Mã số	2022 VND	2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	69.537.830.676	54.377.136.313
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	951.681.046	910.537.428
Các khoản dự phòng	03	145.000.000	144.999.956
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.201.147.136)	(6.764.511.491)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	61.433.364.586	48.668.162.206
Tăng các khoản phải thu	09	(327.159.679)	(6.033.345.012)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	929.132.120	(486.752.125)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.277.095.239)	922.801.392
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(16.326.682.075)	(9.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.432.559.713	33.370.866.461
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(1.390.274.104)	(155.277.100)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	5.000.000	-
Tiền chi cho gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(171.500.000.000)	(136.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	136.000.000.000	97.200.000.000
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	7.557.199.185	7.589.701.219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.328.074.919)	(31.365.575.881)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	15.104.484.794	2.005.290.580
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	3.271.014.440	1.265.723.860
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	18.375.499.234	3.271.014.440

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán tổng hợp
kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B05 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	1/1/2021	1/1/2022	2021		2022		31/12/2021	31/12/2022
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn góp	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	2.500.000.000	-	25.000.000.000	27.500.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-	(2.500.000.000)	2.500.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	84.748.011.656	127.888.869.624	43.140.857.968	-	55.448.508.717	-	127.888.869.624	183.337.378.341
	114.748.011.656	157.888.869.624	43.140.857.968	-	57.948.508.717	(2.500.000.000)	157.888.869.624	213.337.378.341

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:

[Signature]

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
*Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng*

[Signature]

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 1 năm 2023. Thời gian hoạt động của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 50 năm.

Tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 27.500 triệu VND.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Tổng số nhân viên của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 18 nhân viên (31/12/2021: 17 nhân viên) trong đó có 14 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản (31/12/2021: 15 nhân viên).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

(f) Những thay đổi trong chính sách kế toán

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 (“Thông tư 114”) do Bộ Tài chính ban hành bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Những thay đổi trong chính sách kế toán của Công ty do việc áp dụng Thông tư 114 và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 3(m).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------|-----------|
| ▪ chi phí nâng cấp văn phòng | 5 năm |
| ▪ thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 5 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí nâng cấp thiết bị, chi phí thiết kế website và chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Theo Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính (“Thông tư 212”) và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 146”), công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại văn bản phê duyệt số IC/2022/002 ngày 28 tháng 1 năm 2022.

(j) Dự phòng

Ngoài các khoản dự phòng được trình bày tại các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(m) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022

Theo Thông tư 146, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc cá nhân gây ra tổn thất.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để phân phối lợi nhuận.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022

Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.

Căn cứ Công văn chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 83399/UBCK-QLQ ngày 21 tháng 12 năm 2022, Nghị quyết số MC2022-10 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chủ sở hữu, và Nghị quyết số MC2022-05 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Thành viên thông qua việc tăng vốn điều lệ. Hội đồng Thành viên của Công ty đã tiến hành việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác được định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

- là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý danh mục đầu tư và phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng theo các điều kiện và điều khoản của các hợp đồng được ký với các khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới chủ sở hữu (công ty mẹ), công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con, các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(s) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
<i>Tiền gửi tại ngân hàng</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.290.580.412	3.186.133.343
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	84.918.822	84.881.097
<i>Các khoản tương đương tiền (i)</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	17.000.000.000	-
	18.375.499.234	3.271.014.440

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm là 6,00% tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (31/12/2021: không có).

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	46.500.000.000	6.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	40.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	26.000.000.000	86.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	37.000.000.000	24.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông	22.000.000.000	20.000.000.000
	171.500.000.000	136.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn hưởng lãi suất năm từ 5,0% đến 8,2% (31/12/2021: từ 4,9% đến 6,6%).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”) – công ty mẹ (i)	17.875.995.169	16.407.201.098
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN – CAF”) (ii)	170.289.901	193.968.849
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN – FIX”) (iii)	48.303.454	48.328.488
	18.094.588.524	16.649.498.435

- (i) Khoản phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Công ty có quyền tính lãi cho khoản chậm thanh toán theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- (ii) Khoản phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.
- (iii) Khoản phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	5.970.621.930	4.331.673.979
Tạm ứng cho người lao động (i)	296.000.000	1.028.000.000
Cầm cố, ký cược và phải thu ngắn hạn khác (ii)	87.416.076	35.346.486
	6.354.038.006	5.395.020.465

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá ba tháng là 213.000.000 VND và có kỳ hạn từ trên ba tháng đến dưới 12 tháng là 83.000.000 VND.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản phải thu ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại không quá ba tháng là 79.416.076 VND (31/12/2021: 27.346.486 VND).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tạm ứng cho người lao động	-	438.000.000
Cầm cổ, ký cược và phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000
	5.000.000	443.000.000

8. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phí bảo trì phần mềm máy vi tính	1.089.292.002	8.960.417
Phí truy cập dữ liệu	103.455.000	103.455.000
Chi phí khác	358.185.833	197.834.853
	1.550.932.835	310.250.270

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	157.127.209	197.002.748	354.129.957
Tăng trong năm	327.032.816	72.152.400	399.185.216
Phân bổ trong năm	(132.423.902)	(230.348.640)	(362.772.542)
Số dư cuối năm	351.736.123	38.806.508	390.542.631

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	228.519.500	2.186.509.600	2.415.029.100
Thanh lý	-	(55.605.000)	(55.605.000)
Số dư cuối năm	228.519.500	2.130.904.600	2.359.424.100
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	195.193.740	1.525.463.560	1.720.657.300
Khấu hao trong năm	33.325.760	333.913.616	367.239.376
Thanh lý	-	(55.605.000)	(55.605.000)
Số dư cuối năm	228.519.500	1.803.772.176	2.032.291.676
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	33.325.760	661.046.040	694.371.800
Số dư cuối năm	-	327.132.424	327.132.424

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản với nguyên giá là 1.118.777.000 VND (31/12/2021: 890.257.500 VND), đã được khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	4.558.108.148
Tăng trong năm	1.182.185.062
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.009.777.474
Số dư cuối năm	9.750.070.684
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	4.430.729.398
Khấu hao trong năm	584.441.670
Số dư cuối năm	5.015.171.068
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	127.378.750
Số dư cuối năm	4.734.899.616

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 4.558.108.148 VND (31/12/2021: 4.054.843.148 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:</i>			
Chi phí phải trả	20%	152.651.279	134.502.519
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	20%	202.800.000	174.000.000
		355.451.279	308.502.519

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập cá nhân	156.997.684	3.266.113.730	(3.264.172.833)	158.938.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.329.029.733	14.136.270.719	(16.325.682.075)	1.139.618.377
Thuế khác	-	430.840.845	(430.840.845)	-
	3.486.027.417	17.833.225.294	(20.020.695.753)	1.298.556.958

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	5.053.584.000	4.154.570.000
Chi phí khác	763.256.396	672.512.595
	5.816.840.396	4.827.082.595

14. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Biến động quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	870.000.000	725.000.044
Trích lập dự phòng trong năm	145.000.000	144.999.956
Chi bồi thường cho nhà đầu tư	(1.000.000)	-
	1.014.000.000	870.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

15. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2022		31/12/2021	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”)	27.500.000.000	100%	25.000.000.000	100%

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, công ty mẹ, được thành lập tại Việt Nam.

Biến động của vốn góp trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Chuyển từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.500.000.000	-
Số cuối năm	27.500.000.000	25.000.000.000

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Trong vòng một năm	773.725.272	481.670.000
Trong vòng hai đến năm năm	3.255.168.220	-
	4.028.893.492	481.670.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

17. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác liên quan đến khoản tiền gửi của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (công ty mẹ). Chi tiết các khoản tiền gửi theo các quỹ của công ty mẹ như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị		
Tiền gửi ngân hàng	87.167.025.138	114.197.450.708
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung		
Tiền gửi ngân hàng	17.768.576.673	45.036.239.260
Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện		
Tiền gửi ngân hàng	30.310.655	977.121.571
Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống		
Tiền gửi ngân hàng	9.265.310.784	8.309.512.159
	114.231.223.250	168.520.323.698

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

18. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, chi tiết theo các quỹ như sau:

	Số lượng	31/12/2022	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	Số lượng	31/12/2021	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị								
Chứng khoán vốn niêm yết	45.014.926	1.835.237.711.583		1.636.601.514.900	16.746.247	759.492.990.704		834.423.685.100
Chứng khoán nợ	672.489	126.692.864.800		128.582.680.000	370.000	36.692.864.800		53.563.380.000
Tiền gửi có kỳ hạn		292.150.000.000		292.150.000.000		173.140.000.000		173.140.000.000
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung								
Chứng khoán nợ	175.774.487	20.773.240.206.796		19.674.924.483.570	117.845.366	16.803.151.165.706		19.772.104.808.376
Tiền gửi có kỳ hạn		2.529.600.000.000		2.529.600.000.000		868.400.000.000		868.400.000.000
Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện								
Chứng khoán nợ	1.267.920	126.627.350.000		133.848.100.000	1.150.010	126.627.350.000		164.810.150.000
Tiền gửi có kỳ hạn		91.100.000.000		91.100.000.000		88.280.000.000		88.280.000.000
Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống								
Chứng khoán nợ	130.080.352	12.987.674.074.507		13.103.242.697.416	89.775.072	12.132.668.972.737		15.370.600.887.454
Tiền gửi có kỳ hạn		3.398.900.000.000		3.398.900.000.000		2.427.500.000.000		2.427.500.000.000
		42.161.222.207.686		40.988.949.475.886		33.415.953.343.947		39.752.822.910.930

(*) Giá thị trường của các khoản đầu tư được xác định theo các điều khoản về xác định giá thị trường được quy định trong hợp đồng quản lý danh mục với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

19. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải thu cổ tức	6.330.382.000	1.908.115.600
Phải thu bán cổ phiếu	10.690.185.632	5.199.289.350
	17.020.567.632	7.107.404.950

20. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	17.875.995.169	16.407.201.098
Phải trả mua cổ phiếu	861.053.193	19.991.392.175
	18.737.048.362	36.398.593.273

21. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DLVN (i)	91.143.440.897	76.418.356.366
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (ii)	2.731.519.212	2.481.822.064
Doanh thu từ phí phát hành chứng chỉ quỹ mở	1.527.600	-
	93.876.487.709	78.900.178.430

- (i) Công ty quản lý danh mục đầu tư cho Quỹ bảo hiểm truyền thống, Quỹ Liên kết Đầu tư, Quỹ Liên kết chung và Quỹ Hưu trí của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 12 tháng 6 năm 2014.
- (ii) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”) và Quỹ Đầu tư Trái Phiếu DFVN (“DFVN-FIX”) là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
DFVN-CAF	Quỹ đầu tư	Số 34/GCN-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2019	132.813.824.473	155.356.470.595
DFVN-FIX	Quỹ đầu tư	Số 02/GCN-UBCK ngày 4 tháng 2 năm 2021	63.434.389.971	63.074.823.316

Theo điều lệ quỹ của DFVN-CAF và DFVN-FIX, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ DFVN-CAF và DFVN-FIX. Phí quản lý Quỹ DFVN-CAF và DFVN-FIX lần lượt được tính là 1,5% và 0,9% trên Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của mỗi Quỹ trong một năm tài chính. Phí quản lý quỹ được tính tại các kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các ngày định giá thực hiện trong tháng.

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	9.196.147.136	6.764.511.491

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Lương và các chi phí theo lương	22.454.196.031	21.295.511.612
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	6.079.962.994	5.410.005.756
Công cụ dụng cụ và văn phòng phẩm	3.096.623.218	3.063.379.634
Khấu hao tài sản cố định	951.681.046	910.537.428
Chi phí công tác, vận chuyển	678.201.120	314.888.688
Trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145.000.000	144.999.956
Thuế và phí khác	20.000.000	31.500.000
Chi phí khác	114.139.760	116.730.340
	33.539.804.169	31.287.553.414

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*



24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	14.139.618.377	11.229.029.733
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước	(3.347.658)	103.570.576
	14.136.270.719	11.332.600.309
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(46.948.760)	(96.321.964)
	14.089.321.959	11.236.278.345

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	69.537.830.676	54.377.136.313
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.907.566.135	10.875.427.263
Chi phí không được khấu trừ thuế	185.103.482	257.280.506
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước	(3.347.658)	103.570.576
	14.089.321.959	11.236.278.345

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

(a) Giao dịch phát sinh trong năm

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2022 VND	2021 VND
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”) – Công ty mẹ		
Phí quản lý danh mục đầu tư	91.143.440.897	76.418.356.366
Chi phí trả hộ Công ty	20.765.942.955	23.156.170.061
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN – CAF”) – Quỹ do Công ty quản lý		
Phí quản lý quỹ	2.162.444.212	1.974.576.589
Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN – FIX”) – Quỹ do Công ty quản lý		
Phí quản lý quỹ	569.075.000	507.245.475

(b) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày báo cáo, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”) – Công ty mẹ		
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	17.875.995.169	16.407.201.098
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN – CAF”) – Quỹ do Công ty quản lý		
Phải thu phí quản lý quỹ	170.289.901	193.968.849
Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (“DFVN – FIX”) – Quỹ do Công ty quản lý		
Phải thu phí quản lý quỹ	48.303.454	48.328.488

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Số dư tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và phải trả của nhà đầu tư ủy thác là DLVN đã được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 17, Thuyết minh 18, Thuyết minh 19 và Thuyết minh 20.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

26. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	18.375.499.234	3.271.014.440
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(ii)	171.500.000.000	136.000.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(iii)	18.094.588.524	16.649.498.435
Phải thu ngắn hạn khác	(iii)	6.354.038.006	5.395.020.465
Phải thu dài hạn khác	(iii)	5.000.000	443.000.000
		214.329.125.764	161.758.533.340

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu hoạt động quản lý quỹ, phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, phải thu lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty và có thời gian thanh toán ngắn. Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.816.840.396	5.816.840.396	5.816.840.396
Phải trả ngắn hạn khác	221.308.854	221.308.854	221.308.854
	6.038.149.250	6.038.149.250	6.038.149.250
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.827.082.595	4.827.082.595	4.827.082.595
Phải trả ngắn hạn khác	282.875.432	282.875.432	282.875.432
	5.109.958.027	5.109.958.027	5.109.958.027

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	18.375.499.234	3.271.014.440
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	171.500.000.000	136.000.000.000
	189.875.499.234	139.271.014.440

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không chịu ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của khoản mục này được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	171.500.000.000	171.500.000.000	136.000.000.000	136.000.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	18.375.499.234	18.375.499.234	3.271.014.440	3.271.014.440
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	18.094.588.524	18.094.588.524	16.649.498.435	16.649.498.435
▪ Phải thu ngắn hạn khác	6.346.038.006	6.346.038.006	5.387.020.465	5.387.020.465
▪ Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000	443.000.000	443.000.000
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	763.256.396	763.256.396	672.512.595	672.512.595
▪ Phải trả ngắn hạn khác	221.308.854	221.308.854	282.875.432	282.875.432

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư của khoản mục này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của khoản mục này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)



27. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán tổng hợp
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc



